

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **45/2024/DS - ST**

Ngày 11/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn.**

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88A/2024/QĐST-HPT ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng **TMCP S** - Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận x, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thế C** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S. Ủy quyền lại: Ông **Đoàn Quốc C** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ theo Giấy ủy quyền ngày 20/3/2024 của Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 13xA-13x-13x B, phường H 1, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Hồng N** – sinh năm: 199x. Hộ khẩu thường trú: Tổ 13x, M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện tại: K27/0x đường N, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Đoàn Quốc C trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Đà Nẵng có ký hợp đồng với Bà Trần Thị Hồng N, CMND số: 201615xxx ngày cấp 1x/0x/201x nơi cấp: CA TP Đà Nẵng; thường trú tại địa chỉ: K27/0x N, Quận N, TP Đà Nẵng theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của Bà N, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15,000,000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 30/11/2023 Bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 39.999.000 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.443.000 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 4.455.025 đồng, phí vượt hạn mức: 1.100.000 đồng, phí: 1.047.500 đồng, lãi phát sinh: 28.204.421 đồng và thanh toán gốc 23.636.054 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến ngày 01/01/2024 Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

- Tính đến ngày 11/09/2024, Bà N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 17.067.733 đồng

Lãi quá hạn : 6.019.275 đồng

Tổng cộng : 23.087.008 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy ngàn không trăm linh tám đồng)

Lãi suất trong hạn : 2.60%/tháng

Lãi suất quá hạn : 3.9%/tháng (2.60% x150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà N vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Buộc Bà Trần Thị Hồng N phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/09/2024 là 23.087.008 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy ngàn không trăm linh tám đồng) trong đó:

Dư nợ : 17.067.733 đồng

Lãi quá hạn : 6.019.275 đồng

Buộc Bà Trần Thị Hồng N phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/09/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

* Bị đơn bà Trần Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà N vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bà Trần Thị Hồng N trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là bà Trần Thị Hồng N liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Thị Hồng N. bà Trần Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền **23.087.008 đồng** (tính đến ngày 11/9/2024) trong đó: Dư nợ : 17.067.733 đồng; Lãi quá hạn: 6.019.275 đồng; buộc bà Trần Thị Hồng N tiếp tục trả lãi phát sinh kể ngày 12/09/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Trần Thị Hồng N là *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Trần Thị Hồng N (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Hồng N.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Trần Thị Hồng N ngày 10/01/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Hồng N với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất được tính theo biểu phí do S bank công bố trong từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bà Trần Thị Hồng N có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho bà theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, đến ngày 30/11/2023 Bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 39.999.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bà Trần Thị Hồng N đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.443.000 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Hồng N vẫn không trả nợ. Đến ngày 01/01/2024, Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn.

- Tính đến ngày xét xử là ngày 11/09/2024, Bà Trần Thị Hồng N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 17.067.733 đồng

Lãi quá hạn : 6.019.275 đồng

Tổng cộng : 23.087.008 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy ngàn không trăm linh tám đồng)

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng N phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 12/09/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Trần Thị Hồng N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Hồng N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Trần Thị Hồng N vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 01/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Trần Thị Hồng N và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, bà Trần Thị Hồng N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Hồng N phải trả số tiền **23.087.008 đồng** (tính đến ngày 11/9/2024), trong đó Dư nợ: 17.067.733 đồng; Lãi quá hạn: 6.019.275 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 11/9/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) cho đến khi bà Trần Thị Hồng N thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Trần Thị Hồng N phải chịu là $(23.087.008 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.154.351 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 473.000 đồng theo biên lai thu số 0003293 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227;
- Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Trần Thị Hồng N.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền **23.087.008 đồng** (*Hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm lẻ tám đồng*) (tính đến ngày 11/9/2024), trong đó Dư nợ: 17.067.733 đồng; Lãi quá hạn: 6.019.275 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12/9/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) cho đến khi bà Trần Thị Hồng N thanh toán xong khoản nợ.

2. **Án phí DS - ST: 1.154.351 đồng** bà Trần Thị Hồng N phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 473.000 đồng theo biên lai thu số 0003293 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm